ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 45 /2024/QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 02 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 169/TTr-STP ngày 07 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 12 năm 2024./.

Nơi nhận:
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Như Điều 2;
- LĐVP; các Phòng, Ban, Trung tâm;
- Lưu: VT, NC. DN37

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Phối hợp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Phước

(Kèm theo Quyết định số: 45 /2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định mục đích, nguyên tắc, hình thức, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố liên quan trong thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện).

3. Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hội Doanh nghiệp trẻ, Hội Nữ doanh nhân.

4. Doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây gọi chung là doanh nghiệp).

5. Tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 3. Mục đích phối hợp

1. Đảm bảo hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp phù hợp theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017; Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (viết tắt là Nghị định số 55/2019/NĐ-CP) và các văn bản khác có liên quan.

2. Triển khai đồng bộ, hiệu quả, công khai, minh bạch trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp; bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, thiết thực, phù hợp theo quy định của pháp luật.

3. Xác định trách nhiệm chủ trì, phối hợp của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp

1. Hoạt động phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của cơ quan, đơn vị phối hợp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp quy định tại Quy chế này được thực hiện đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, không phân biệt hình thức sở hữu, lĩnh vực hoạt động.

3. Thực hiện thường xuyên, kịp thời và có trọng tâm, trọng điểm theo từng thời kỳ và được xác định cụ thể tại chương trình, kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hằng năm và 05 năm của tỉnh. Chú trọng và quan tâm việc hỗ trợ pháp lý đối với các lĩnh vực pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; tiếp cận thủ tục hành chính trong đăng ký kinh doanh, thuế; pháp luật về lao động, bảo hiểm trong quá trình doanh nghiệp tiếp cận đến nguồn lực về đất đai, nguồn vốn, khoa học và công nghệ.

Điều 5. Hình thức phối hợp

1. Cung cấp thông tin bằng văn bản, tài liệu có liên quan trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

2. Tổ chức họp, hội nghị, sơ kết, tổng kết công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

3. Cử đại diện tham gia các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo đề nghị của cơ quan chủ trì thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

4. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Chương II
NỘI DUNG PHỐI HỢP HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Điều 6. Việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp phải tổ chức lấy ý kiến góp ý của các quan, đơn vị có liên quan; các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp và các doanh nghiệp chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo văn bản.

2. Khi nhận được ý kiến góp ý của các quan, đơn vị, tổ chức có liên quan; tổ chức đại diện cho doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp nhỏ và vừa trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thì cơ quan soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 7. Cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật

1. Cơ quan soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật phối hợp với Sở Tư pháp cập nhật văn bản quy phạm pháp luật lên phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Nghị định 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (trừ văn bản thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật).

2. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm cập nhật toàn văn văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trên Trang thông tin điện tử Công báo tỉnh Bình Phước theo quy định tại Điều 150 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (trừ văn bản thuộc danh mục bí mật Nhà nước theo quy định của pháp luật).

3. Doanh nghiệp, tổ chức đại diện doanh nghiệp, các cá nhân có liên quan được tiếp cận, sử dụng miễn phí các thông tin đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và Trang thông tin điện tử Công báo tỉnh Bình Phước quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật đã có hiệu lực pháp luật mà chưa được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và Trang thông tin điện tử Công báo tỉnh Bình Phước thì doanh nghiệp có quyền đề nghị các cơ quan có liên quan kịp thời cập nhật và cung cấp văn bản đó theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin.

Điều 8. Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật và đăng tải các bản án, quyết định của Tòa án; phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp được phép công khai, có hiệu lực thi hành mà UBND tỉnh là một bên có liên quan lên Cổng thông tin điện tử tỉnh hoặc kết nối với Cổng thông tin điện tử tỉnh công khai các văn bản này theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 7 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm hệ thống hóa, cập nhật dữ liệu về văn bản trả lời của bộ, cơ quan ngang bộ đối với vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp trong áp dụng chung về pháp luật lên Cổng thông tin điện tử tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP.

3. Doanh nghiệp được khai thác và sử dụng miễn phí cơ sở dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 9. Phổ biến, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp

1. Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động tổ chức các buổi tọa đàm, hội nghị phổ biến các văn bản pháp luật mới có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

2. Căn cứ vào tình hình điều kiện cụ thể các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức phổ biến, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa bằng các hình thức phù hợp như:

a) Xây dựng tài liệu điện tử cung cấp kiến thức pháp luật về đầu tư, kinh doanh, các cam kết quốc tế và những nội dung cần thiết khác cho doanh nghiệp;

b) Mời báo cáo viên chuyên ngành hoặc có kinh nghiệm để trình bày có hiệu quả nội dung các tài liệu bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp;

c) Các hình thức phổ biến, bồi dưỡng kiến thức pháp luật phù hợp khác.

3. Việc tổ chức hội nghị, tọa đàm để giới thiệu, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương phải có kế hoạch cụ thể và tránh trùng lặp về nội dung, thời gian tổ chức; chú trọng các quy định, những đối tượng cần hỗ trợ pháp lý kịp thời, ảnh hưởng trực tiếp.

Điều 10. Tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận, tổng hợp các phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp, tổ chức đại diện doanh nghiệp liên quan đến các quy định pháp luật, quyết định hành chính, hành vi hành chính và các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp qua các hình thức văn bản giấy, thư điện tử, hội nghị, tọa đàm hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

a) Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết, cơ quan, đơn vị, địa phương trả lời cho doanh nghiệp, tổ chức đại diện doanh nghiệp trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) làm việc kể từ ngày nhận được kiến nghị, phản ánh. Trường hợp kiến nghị, phản ánh phức tạp thì được kéo dài thời hạn giải quyết nhưng không vượt quá 30 ngày (ba mươi ngày) làm việc.

Nếu có lý do chính đáng để không giải đáp pháp luật thì cơ quan được yêu cầu giải đáp phải nêu rõ lý do và trả lời bằng văn bản cho doanh nghiệp;

b) Trường hợp không thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc cần lấy ý kiến phối hợp thì trong thời hạn 02 ngày (hai ngày) làm việc phải chuyển kiến nghị, phản ánh đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc cơ quan phối hợp. Cơ quan, đơn vị, địa phương được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) làm việc;

c) Tổng hợp kết quả tiếp nhận, xử lý những kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp để báo cáo theo định kỳ hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

a) Tham mưu UBND tỉnh chỉ định cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết các phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp khi các cơ quan, đơn vị, địa phương không thống nhất với nhau về thẩm quyền giải quyết;

b) Làm đầu mối tổng hợp kết quả tiếp nhận, xử lý những kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp từ các cơ quan, đơn vị, địa phương để báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo định kỳ hoặc khi có yêu cầu.

Điều 11. Khảo sát nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Khi cơ quan chủ trì khảo sát nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan có trách nhiệm:

1. Tham gia Đoàn khảo sát nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

2. Thực hiện góp ý và hoàn chỉnh Phiếu khảo sát.

3. Tổng hợp, đánh giá, phân tích kết quả khảo sát.

4. Báo cáo kết quả khảo sát.

Điều 12. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

1. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

a) Thông báo về kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của đơn vị mình đến Sở Tư pháp;

b) Phối hợp với Sở Tư pháp để thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (nếu cần thiết).

2. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

a) Tiếp nhận thông tin về kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp từ các sở, ban, ngành có liên quan;

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương để thực hiện kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp;

c) Chủ trì tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hàng năm (nếu có).

Điều 13. Kiểm tra, giám sát hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

1. Sở Tư pháp phối hợp với cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp kiểm tra, giám sát việc thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm

a) Chất lượng, đối tượng thụ hưởng của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp;

b) Việc thực hiện trình tự, thủ tục, nội dung hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; việc tiếp thu, phản hồi ý kiến phản ánh của doanh nghiệp về kết quả thực hiện hoạt động này.

Điều 14. Báo cáo công tác hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp

1. Các cơ quan, đơn vị có liên quan, địa phương thực hiện công tác báo cáo như sau:

a) Báo cáo định kỳ công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền liên quan hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp;

c) Báo cáo các nội dung khác liên quan đến công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (nếu có).

2. Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo công tác hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định và theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện có trách nhiệm

1. Sở Tư pháp

a) Chủ trì tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp;

b) Làm đầu mối tổng hợp các ý kiến, kết quả thực hiện công tác phối hợp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp quy định tại Quy chế này và báo cáo UBND tỉnh theo quy định;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương và các cơ quan khác có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định.

2. Sở Tài chính

Hàng năm, theo quy định của pháp luật và căn cứ nguồn thu ngân sách tỉnh tham mưu cấp thẩm quyền bố trí dự toán thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định hiện hành.

3. Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện

a) Căn cứ Kế hoạch, Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đã được UBND tỉnh phê duyệt, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện có trách nhiệm chủ động thực hiện nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp trong phạm vi ngành, lĩnh vực hoặc theo địa bàn mình quản lý;

b) Thực hiện tiếp nhận và giải quyết các yêu cầu, kiến nghị của doanh nghiệp theo thẩm quyền. Tổ chức thực hiện các nội dung hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định tại Quy chế này.

Điều 16. Tòa án nhân dân tỉnh

Phối hợp cung cấp và chia sẻ các bản án, quyết định liên quan đến doanh nghiệp được phép công khai theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về công bố

bản án, quyết định trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án; quyết định của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp có hiệu lực thi hành và được phép công khai.

Điều 17. Các doanh nghiệp

1. Phối hợp với các cơ quan nhà nước và tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trong việc thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 55/2019/NĐ-CP và Quy chế này.

2. Thực hiện đúng và đầy đủ các quy định có liên quan, trình tự, thủ tục để thụ hưởng hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định của Nghị định số 55/2019/NĐ-CP.

3. Chủ động đề xuất với cơ quan có thẩm quyền về nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và thụ hưởng hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, phục vụ hoạt động kinh doanh của mình.

Điều 18. Tổ chức đại diện cho doanh nghiệp

1. Chủ trì, tham gia xây dựng, thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ.

2. Đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp là hội viên trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; huy động các nguồn lực để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là thành viên.

3. Tham gia xây dựng, phản biện, triển khai chính sách liên quan đến hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; tham gia đánh giá cơ sở dữ liệu về pháp luật và chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

4. Thực hiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức đại diện cho doanh nghiệp.

Điều 19. Kinh phí thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp do ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 64/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và các văn bản hướng dẫn thi hành; các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có)./.